

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO      BỘ TÀI CHÍNH**  
**HỌC VIỆN TÀI CHÍNH**

**NGUYỄN QUỐC ANH**

**AN TOÀN TÀI CHÍNH CỦA CÁC NGÂN HÀNG  
THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NIÊM YẾT VIỆT NAM**

*Chuyên ngành* : Tài chính - Ngân hàng

*Mã số*            : 9.34.02.01

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ**

**HÀ NỘI - 2021**

**Công trình được hoàn thành  
tại Học viện Tài chính**

***Người hướng dẫn khoa học:*** 1. PGS,TS. Hoàng Mạnh Cừ  
2. TS. Nghiêm Văn Bảy

***Phản biện 1:***

***Phản biện 2:***

***Phản biện 3:***

**Luận án được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án  
cấp Học viện, họp tại Học viện Tài chính**

*Vào hồi ..... giờ....., ngày..... tháng..... năm 2021*

**Có thể tìm hiểu luận án tại Thư viện Quốc gia  
và Thư viện Học viện Tài chính**

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài luận án

Ngân hàng thương mại (NHTM) là trung gian tài chính quan trọng trong nền kinh tế nên an toàn tài chính để đảm bảo hoàn trả đầy đủ gốc và lãi cho người gửi tiền là nhiệm vụ của NHTM. Thêm vào đó, hoạt động ngân hàng liên quan đến mọi lĩnh vực, thành phần trong nền kinh tế nên hoạt động ngân hàng không an toàn sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến kinh tế vĩ mô. Do vậy, đảm bảo an toàn tài chính là điều kiện tiên quyết để NHTM nói riêng và nền kinh tế nói chung phát triển ổn định, bền vững. Hệ thống NHTM đã khẳng định vai trò quan trọng trong những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam. Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, các NHTM cổ phần niêm yết ở Việt Nam do còn non trẻ nên việc đảm bảo an toàn tài chính còn nhiều hạn chế. Xuất phát từ yêu cầu về lý luận cũng như thực tiễn nêu trên, NCS lựa chọn đề tài ***“An toàn tài chính của các Ngân hàng thương mại cổ phần niêm yết ở Việt Nam”*** để nghiên cứu.

### 2. Tổng quan về tình hình nghiên cứu

Trên thế giới cũng như tại Việt Nam đã có một số công trình nghiên cứu liên quan đến an toàn tài chính của NHTM. Đã có nghiên cứu thực nghiệm về an toàn tài chính của hệ thống NHTM một quốc gia. Nhưng chưa có công trình nào nghiên cứu một cách toàn diện, đầy đủ về an toàn tài chính của NHTM trên giác độ về an toàn vốn, an toàn tài sản, an toàn thanh khoản và khả năng sinh lời tại các NHTM cổ phần niêm yết Việt Nam.

Do vậy, cần có một nghiên cứu cụ thể, toàn diện để hoàn thiện cơ sở lý luận về an toàn tài chính của NHTM, nghiên cứu thực tiễn

tại các NHTM cổ phần niêm yết ở Việt Nam, từ đó đề xuất những giải pháp có căn cứ khoa học để vận dụng có hiệu quả trong thực tế.

### **3. Mục đích nghiên cứu của luận án.**

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận về an toàn tài chính của Ngân hàng thương mại và thực trạng an toàn tài chính tại các NHTM cổ phần niêm yết giai đoạn 2013- 2019, luận án đề xuất hệ thống giải pháp nhằm đảm bảo an toàn tài chính tại nhóm NHTM này đến năm 2030.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### **4.1. Đối tượng nghiên cứu**

Luận án nghiên cứu về an toàn tài chính tại NHTM

#### **4.2. Phạm vi nghiên cứu**

- Về nội dung: Luận án tập trung nghiên cứu về an toàn tài chính tại NHTM.

- Về không gian: các NHTM cổ phần niêm yết trên sàn HOSE và HNX tại Việt Nam.

- Về thời gian: giai đoạn 2013 - 2030.

### **5. Phương pháp nghiên cứu.**

Trên nền tảng phương pháp luận duy vật biện chứng, duy vật lịch sử, để có các phân tích, đánh giá có căn cứ khóa học. Đề tài sử dụng các phương pháp nghiên cứu: phương pháp tư duy khoa học; phương pháp thống kê; phương pháp so sánh, phân tích, tổng hợp; phương pháp suy luận logic

### **6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của Luận án**

#### **\* Ý nghĩa khoa học:**

Làm sáng tỏ cơ sở lý luận về an toàn tài chính tại NHTM; các tiêu chí đánh giá và nhân tố ảnh hưởng đến an toàn tài chính của NHTM . Kết quả nghiên cứu của đề tài bổ sung cơ sở lý luận về an toàn tài chính của NHTM, giúp các nhà nghiên cứu, giảng dạy, nhà

quản lý và người quan tâm có cái nhìn hệ thống về an toàn tài chính của NHTM. Bên cạnh đó, Luận án đúc kết được những bài học kinh nghiệm về đảm bảo an toàn tài chính cho các NHTM cổ phần niêm yết trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm đảm bảo an toàn tài chính tại một số NHTM nước ngoài.

**\* Ý nghĩa thực tiễn:**

Luận án đã tìm hiểu, phân tích một cách có hệ thống về thực trạng an toàn tài chính tại các NHTM cổ phần niêm yết ở Việt Nam giai đoạn 2013 - 2019. Trên cơ sở đó đánh giá những kết quả đạt được, những hạn chế và chỉ ra nguyên nhân của những hạn chế trong an toàn tài chính tại các NHTM cổ phần niêm yết ở Việt Nam. Từ đó, Luận án đã đề xuất các giải pháp thiết thực nhằm đảm bảo an toàn tài chính tại các NHTM cổ phần niêm yết ở Việt Nam theo hướng hợp lý trong thời gian tới. Các giải pháp này được xây dựng dựa trên cơ sở lý luận, kinh nghiệm thực tiễn phù hợp với chủ trương, định hướng phát triển của Ngành nói chung và các NHTM cổ phần niêm yết nói riêng.

**7. Kết cấu Luận án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục Luận án được kết cấu làm 3 chương

Chương 1: Những vấn đề lý luận về an toàn tài chính của Ngân hàng thương mại

Chương 2: Thực trạng an toàn tài chính của các Ngân hàng thương mại cổ phần niêm yết ở Việt Nam

Chương 3: Giải pháp đảm bảo an toàn tài chính của các Ngân hàng thương mại cổ phần niêm yết ở Việt Nam.

## **Chương 1**

# **NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ AN TOÀN TÀI CHÍNH CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**

### **1.1. Tài chính của Ngân hàng thương mại**

#### ***1.1.1. Ngân hàng thương mại***

##### ***1.1.1.1. Khái niệm***

NHTM là doanh nghiệp kinh doanh tiền tệ, cung cấp các dịch vụ tài chính tổng hợp với các loại hình chủ yếu là nhận tiền gửi, cấp tín dụng và làm dịch vụ thanh toán.

##### ***1.1.1.2. Hoạt động kinh doanh của NHTM***

- Hoạt động huy động vốn
- Hoạt động sử dụng vốn
- Hoạt động phi tín dụng

##### ***1.1.1.3. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của NHTM***

- Hoạt động ngân hàng tác động đến mọi hoạt động, thành phần trong nền kinh tế
- Hoạt động ngân hàng là hoạt động chấp nhận và quản lý rủi ro
- Hoạt động ngân hàng có ảnh hưởng dây chuyền và chịu sự quản lý chặt chẽ từ các cơ quan chức năng

### ***1.1.2. Tài chính của NHTM***

#### ***1.1.2.1. Khái niệm tài chính***

Tài chính có thể hiểu là phương thức huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực khan hiếm nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu của các chủ thể trong phát triển kinh tế - xã hội.

#### ***1.1.2.2. Khái niệm tài chính của NHTM***

Tài chính của NHTM là sự vận động của các dòng tiền tệ gắn liền với quá trình tạo lập, phân phối và sử dụng các quỹ tiền tệ phát

sinh trong quá trình hoạt động nhằm đạt được mục tiêu đã đề ra của NHTM.

## **1.2. An toàn tài chính của NHTM**

### ***1.2.1. Khái niệm***

An toàn tài chính của NHTM là việc tạo lập, phân phối nguồn vốn với mục tiêu tránh được những thiệt hại ngoài khả năng kiểm soát trên cơ sở khâu vị rủi ro đã được thiết lập, đồng thời, đảm bảo khả năng sinh lời

### ***1.2.2. Ý nghĩa của an toàn tài chính đối với NHTM***

- Đảm bảo an toàn tài chính là cơ sở cho sự tồn tại và phát triển của ngân hàng
- Đảm bảo an toàn tài chính là cơ sở để nâng cao năng lực cạnh tranh
- Đảm bảo an toàn tài chính đáp ứng yêu cầu hội nhập
- Đảm bảo an toàn tài chính thể hiện trách nhiệm của NHTM với xã hội.
- Góp phần đảm bảo an toàn hệ thống và an ninh tài chính quốc gia

### ***1.2.3. Nội dung an toàn tài chính của NHTM***

#### ***1.2.3.1. Đảm bảo đủ vốn cho hoạt động kinh doanh***

- Cơ cấu vốn tự có
- Đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn theo quy định hiện hành

#### ***1.2.3.2. An toàn tài sản***

- Quy mô tài sản
- Cơ cấu tài sản
- Chất lượng tài sản

- Khả năng xử lý tổn thất

### 1.2.3.3. An toàn thanh khoản

#### 1.2.3.4. Đảm bảo khả năng sinh lời

### 1.2.4. Các chỉ tiêu phản ánh an toàn tài chính của NHTM

#### 1.2.4.1. Chỉ tiêu phản ánh mức độ đủ vốn

- Quy mô vốn tự có

- Tốc độ tăng trưởng vốn tự có

$$\text{Tốc độ tăng trưởng vốn tự có} = \frac{\text{Vốn tự có năm N} - \text{Vốn tự có năm N-1}}{\text{Vốn tự có năm N-1}} * 100\%$$

- Cơ cấu vốn tự có

$$\text{Tỷ trọng vốn loại i} = \frac{\text{Vốn loại i}}{\text{Vốn tự có}} * 100\%$$

- Tỷ lệ an toàn vốn

Theo chuẩn mực Basel 2, Basel 3

$$\text{CAR} = \frac{\text{Vốn tự có}}{\sum(\text{Tài sản} * \text{Hệ số rủi ro}) + (\text{RRTT} + \text{RRHD}) * 12,5} * 100\%$$

- Đảm bảo đầy đủ về vốn theo Basel

#### 1.2.4.2. Chỉ tiêu phản ánh an toàn tài sản

\* *Chỉ tiêu phản ánh quy mô tài sản*

- Tốc độ tăng trưởng tài sản

$$\text{Tốc độ tăng trưởng TS} = \frac{\text{Tổng TS năm N} - \text{Tổng TS năm (N-1)}}{\text{Tổng TS năm (N-1)}} * 100\%$$

- Cơ cấu tài sản

$$\text{Tỷ trọng tài sản loại i} = \frac{\text{Tài sản loại i}}{\text{Tổng tài sản}}$$

\* *Chỉ tiêu phản ánh chất lượng tài sản*

- Đối với hoạt động tín dụng



+ Tốc độ tăng trưởng dư nợ

$$\text{Tốc độ tăng trưởng dư nợ} = \frac{\text{Dư nợ năm N} - \text{Dư nợ năm (N-1)}}{\text{Dư nợ năm (N-1)}} * 100\%$$

+ Tỷ lệ nợ quá hạn

$$\text{Tỷ lệ nợ quá hạn} = \frac{\text{Nợ quá hạn}}{\text{Tổng dư nợ}} * 100\%$$

+ Tỷ lệ nợ xấu

$$\text{Tỷ lệ nợ xấu} = \frac{\text{Nợ xấu}}{\text{Tổng dư nợ}} * 100\%$$

- Đối với hoạt động đầu tư

+ Cơ cấu hoạt động đầu tư

$$\text{Giá trị hoạt động đầu tư loại i} = \frac{\text{Giá trị HĐ đầu tư loại i}}{\text{Tổng giá trị HĐ đầu tư}} * 100\%$$

+ Chất lượng tín dụng của chứng khoán nợ của các tổ chức kinh tế mà ngân hàng nắm giữ.

$$\text{Tỷ lệ chứng khoán nợ nhóm i} = \frac{\text{Chứng khoán nợ nhóm i}}{\text{Tổng chứng khoán nợ}} * 100\%$$

- Khả năng bù đắp rủi ro

$$\text{LLR} = \frac{\text{Quỹ dự phòng rủi ro}}{\text{Tổng nợ xấu}} * 100\%$$

#### 1.2.4.3. Chỉ tiêu phản ánh an toàn thanh khoản

- Mức độ đáp ứng các tỷ lệ đảm bảo thanh khoản theo quy định của NHTW

- Tỷ lệ dự trữ thanh khoản

$$\text{Tỷ lệ dự trữ thanh khoản} = \frac{\text{Tài sản có tính thanh khoản cao}}{\text{Tổng nợ phải trả}} * 100\%$$

- Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi

$$\text{Tỷ lệ dư nợ cho vay/tổng tiền gửi (LDR)} = \frac{\text{Dư nợ cho vay}}{\text{Tổng tiền gửi}} * 100\%$$

- Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung, dài hạn

- Tỷ lệ đảm bảo thanh khoản và tỷ lệ tài trợ ổn định thuận theo Basel 3

$$LCR = \frac{\text{Dự trữ tài sản có thanh khoản chất lượng cao}}{\text{Tổng luồng tiền mặt ra thuận trong 30 ngày tới}} * 100\%$$

$$NSFR = \frac{\text{Nguồn vốn ổn định hiện có}}{\text{Nguồn vốn ổn định theo yêu cầu}} * 100\%$$

#### 1.2.4.4. Chỉ tiêu phản ánh khả năng sinh lời

- Tỷ trọng thu nhập thuần từ các hoạt động kinh doanh

$$\text{Tỷ trọng thu nhập thuần từ hoạt động } i = \frac{\text{Thu nhập thuần từ hoạt động } i}{\text{Tổng thu nhập thuần}} * 100\%$$

- Tỷ suất sinh lời Vốn chủ sở hữu (ROE)

$$ROE = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn chủ sở hữu}} * 100\%$$

- Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA)

$$ROA = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Tổng tài sản}} * 100\%$$

### 1.2.5. Các nhân tố ảnh hưởng đến an toàn tài chính của

#### **NHTM**

##### 1.2.5.1. Nhân tố khách quan

- Môi trường chính trị, xã hội và chính sách của nhà nước

- Hệ thống pháp luật

- Môi trường kinh tế

- Hệ thống giám sát tài chính

- Khoa học công nghệ

##### 1.2.5.2. Nhân tố chủ quan

- Chiến lược kinh doanh

- Năng lực tài chính

- Năng lực quản trị rủi ro
- Chất lượng nguồn nhân lực
- Công nghệ ngân hàng

### **1.3. Kinh nghiệm quốc tế trong đảm bảo an toàn tài chính và bài học kinh nghiệm cho các NHTM cổ phần niêm yết ở Việt Nam**

#### **1.3.1. Kinh nghiệm quốc tế**

*1.3.1.1. Kinh nghiệm của ANZ trong đảm bảo an toàn vốn theo phương pháp nội bộ của Basel 2*

*1.3.1.2. Kinh nghiệm của Bangkok Bank trong đảm bảo an toàn tài sản*

*1.3.1.3. Kinh nghiệm của HSBC trong đảm bảo an toàn thanh khoản*

#### **1.3.2. Bài học kinh nghiệm cho các NHTM cổ phần niêm yết ở Việt Nam**

Trên cơ sở nghiên cứu, tìm hiểu kinh nghiệm đảm bảo an toàn tài chính tại một số ngân hàng nước ngoài, luận án rút ra 05 bài học đối với các NHTM cổ phần niêm yết ở Việt Nam.

## **Chương 2**

### **THỰC TRẠNG AN TOÀN TÀI CHÍNH CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NIÊM YẾT Ở VIỆT NAM**

#### **2.1. Tổng quan về các NHTM cổ phần niêm yết ở Việt Nam**

##### **2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển**

##### **2.1.2. Tình hình hoạt động kinh doanh**

###### **2.1.2.1. Tổng tài sản**

*2.1.2.2. Hoạt động huy động vốn*

*2.1.2.3. Hoạt động kinh doanh khác*

*2.1.3.4. Kết quả hoạt động kinh doanh*

## **2.2. Thực trạng an toàn tài chính của các NHTM cổ phần niêm yết ở Việt Nam**

### **2.2.1. Mức độ đầy đủ về vốn**

*- Quy mô vốn tự có*

Trong giai đoạn này, nhiều NHTM cổ phần niêm yết thực hiện tăng vốn cấp 1 thông qua lợi nhuận giữ lại và phát hành thêm cổ phiếu; đồng thời, thực hiện tăng vốn cấp 2 thông qua trái phiếu có kỳ hạn trên 5 năm. Ngoại trừ vốn tự có của EXIMBANK giảm và NVB tăng không đáng kể, vốn tự có của các NHTM cổ phần niêm yết còn lại có xu hướng mạnh trong giai đoạn 2013 – 2018.

*- Cơ cấu vốn tự có*

Trong giai đoạn 2016 – 2019, các NHTM cổ phần niêm yết tăng phát hành trái phiếu kỳ hạn trên 5 năm để tính vào vốn cấp 2 nên tỷ trọng vốn cấp 2 (trừ EXIMBANK và NVB) có xu hướng tăng, tỷ trọng vốn cấp 1 trong tổng vốn tự có giảm.

*- Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)*

Trong toàn giai đoạn, hệ số CAR của các NHTM cổ phần niêm yết đảm bảo theo quy định của NHNN theo quy định tại các Thông tư 13/2010/TT – NHNN, Thông tư 36/2014/TT – NHNN và Thông tư 41/2016/TT – NHNN

*- Hiệp ước Basel 2:*

+ Đối với trụ cột 1: Tính đến 31/12/2019, 8/13 NHTM cổ phần niêm yết được NHNN công nhận triển khai quản trị theo quy định tại Thông tư 41 (Basel 2 theo phương pháp cơ bản)

+ Đối với trụ cột 2: hầu hết các NHTM cổ phần niêm yết chưa xác định được vốn mục tiêu dựa trên rủi ro và chưa giám sát và có báo cáo nội bộ về mức độ đủ vốn.

+ Đối với trụ cột 3 liên quan đến công bố thông tin của các NHTM cổ phần niêm yết còn khoảng cách khá xa so với Basel

### **2.2.2.2. Thực trạng an toàn tài sản**

#### **2.2.2.1. Chất lượng hoạt động cho vay**

- Dư nợ tín dụng và tốc độ tăng trưởng dư nợ

Ngoại trừ EXIMBANK, các NHTM cổ phần niêm yết còn lại có tốc độ tăng trưởng tín dụng trung bình tương đối cao do: (i) Nhu cầu tín dụng tăng; (ii) nhiều NHTM trong nhóm được lựa chọn nghiên cứu tăng vốn điều lệ, mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh, thay đổi chiến lược, phân khúc thị trường.

- Tỷ lệ nợ quá hạn

Tỷ lệ nợ quá hạn có xu hướng giảm do: (i) Kinh tế vĩ mô chuyển biến tích cực; (ii) Nỗ lực kiểm soát chất lượng tín dụng; (iii) Thực hiện xác định nợ quá hạn theo quy định tại Thông tư 39/2016/TT – NHNN.

- Tỷ lệ nợ xấu

Tỷ lệ nợ xấu trên bảng cân đối kế toán của các NHTM cổ phần niêm yết có xu hướng giảm. Ngoại trừ VPBank, Sacombank, tỷ lệ nợ xấu của các NHTM cổ phần niêm yết còn lại duy trì dưới 3%. Điều này là do: (i) Kinh tế vĩ mô chuyển biến tích cực; (ii) Các

NHTM cổ phần niêm yết chuyển đổi mô hình quản trị rủi ro; (iii) Nỗ lực xử lý nợ xấu; (iv) Hiệu quả từ các chính sách hỗ trợ của Chính phủ, NHNN.

Tuy nhiên, nếu tính cả nợ xấu đã bán cho VAMC mà chưa xử lý được thì tỷ lệ nợ xấu của một số NHTM cổ phần niêm yết (Sacombank, Eximbank, SHB, NCB) ở ngưỡng rất cao

#### *2.2.2.2. Đối với hoạt động đầu tư*

- Cơ cấu hoạt động đầu tư

Các NHTM cổ phần niêm yết thực hiện đầu tư vào Trái phiếu Chính phủ, chứng khoán của TCTD và chứng khoán của các TCKT, trong đó, khoản mục đầu tư chủ yếu là Trái phiếu Chính phủ.

- Chất lượng hoạt động đầu tư

Trái phiếu Chính phủ là khoản đầu tư an toàn, có trọng số rủi ro là 0. Đối với chứng khoán của các TCTD, các NHTM cổ phần niêm yết chủ yếu đầu tư vào các TCTD có tiềm lực tài chính tốt, có uy tín trên thị trường. Đối với chứng khoán của các TCKT, chủ yếu các loại trái phiếu của TCKT mà các NHTM cổ phần niêm yết nắm giữ được xếp loại nợ đủ tiêu chuẩn.

#### *2.2.2.3. Khả năng bù đắp rủi ro*

Tỷ lệ LLR tại các NHTM có xu hướng tăng trong giai đoạn 2013 – 2019 nhưng chỉ một số NHTM cổ phần niêm yết duy trì được tỷ lệ này lớn hơn 100% trong một số năm của giai đoạn nghiên cứu. Như vậy, tỷ lệ LLR của hầu hết các NHTM cổ phần niêm yết thấp hơn so với khuyến nghị quốc tế.

### **2.2.3. An toàn thanh khoản**

*Tỷ lệ dự trữ thanh khoản*

Các NHTM cổ phần niêm yết duy trì tỷ lệ dự trữ thanh khoản cao hơn so với quy định của NHNN (10%) do bên cạnh dự trữ sơ cấp, các NHTM này đầu tư nhiều vào Trái phiếu Chính phủ để tăng dự trữ thứ cấp

*Tỷ lệ dư nợ cho vay/ Tổng tiền gửi (LDR)*

Một số NHTM cổ phần niêm yết có tỷ lệ LDR cao hơn so với quy định của NHNN

*Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng cho vay trung dài hạn*

Các NHTM cổ phần niêm yết đáp ứng tỷ lệ theo quy định của NHNN và nỗ lực gia tăng huy động nguồn vốn trung dài hạn để đáp ứng tỷ lệ này theo đúng lộ trình giảm của NHNN.

*Mức độ đáp ứng tỷ lệ an toàn thanh khoản theo Basel 3*

Việc đảm bảo an toàn của các NHTM cổ phần niêm yết Việt Nam so với Basel 3 còn khoảng cách tương đối xa.

#### **2.2.4. Khả năng sinh lời**

- *Tỷ trọng thu nhập thuần*

Tỷ trọng thu nhập thuần từ lãi của các NHTM cổ phần niêm yết có xu hướng giảm, thu nhập thuần từ các hoạt động phi tín dụng có xu hướng tăng.

- *Khả năng sinh lời*

+ Các NHTM cổ phần niêm yết thuộc nhóm 1: VCB có xu hướng tăng trong giai đoạn 2013 - 2019; BIDV và VietinBank giảm trong giai đoạn 2016 – 2019.

+ Các NHTM cổ phần niêm yết thuộc nhóm 2, khả năng sinh lời cao. Ngoại trừ VPBank, các NHTM cổ phần niêm yết còn lại cân bằng được lợi nhuận và rủi ro.

+ Các NHTM cổ phần niêm yết thuộc nhóm 3 và nhóm 4, khả năng sinh lời còn thấp.

### **2.3. Đánh giá thực trạng an toàn tài chính của các NHTM cổ phần niêm yết ở Việt Nam**

#### ***2.3.1. Kết quả đạt được***

- Đảm bảo hệ số an toàn vốn theo đúng quy định của NHNN. Các NHTM cổ phần niêm yết thuộc nhóm 1, nhóm 2 hoàn thành áp dụng Thông tư 41 trước thời hạn theo quy định của NHNN

- Nỗ lực xử lý nợ xấu và kiểm soát chất lượng tín dụng
- Kiểm soát tốt chất lượng hoạt động đầu tư
- Đảm bảo khả năng thanh khoản
- Tại một số NHTM cổ phần niêm yết, tỷ suất sinh lời gia tăng nhưng không đánh đổi lợi nhuận và an toàn

#### ***2.3.2. Hạn chế***

##### *Thứ nhất, về an toàn vốn*

+ Quy mô vốn tự có của các NHTM cổ phần niêm yết còn hạn chế, đặc biệt để đáp ứng với yêu cầu tính hệ số an toàn vốn theo các thông lệ quốc tế

+ Việc thực hiện các trụ cột liên quan đến an toàn vốn, tính toán mức độ đầy đủ về vốn hay công bố thông tin theo Basel 2 của các NHTM cổ phần niêm yết còn tồn tại hạn chế.

##### *Thứ hai, về an toàn tài sản*

+ Tỷ lệ nợ xấu tại một số NHTM cổ phần niêm yết còn cao. 6/13 NHTM cổ phần niêm yết vẫn còn nợ tại VAMC.

+ Hầu hết các NHTM cổ phần niêm yết không đạt tỷ lệ LLR  $\geq$  100%



*Thứ ba, về an toàn thanh khoản*

Một số NHTM cổ phần niêm yết chưa thực hiện đúng hết các tỷ lệ đảm bảo an toàn thanh khoản. Nếu so sánh với thông lệ quốc tế, tỷ lệ đảm bảo an toàn thanh khoản của các NHTM cổ phần niêm yết còn khá xa

*Thứ tư, về khả năng sinh lời*

+ Tỷ trọng thu nhập thuần từ lãi còn chiếm tỷ trọng cao trong tổng thu nhập thuần của các NHTM cổ phần niêm yết

+ Một số NHTM cổ phần niêm yết tỷ suất sinh lời thấp.

**2.3.3. Nguyên nhân**

*2.3.3.1. Nguyên nhân khách quan*

- Môi trường kinh tế
- Môi trường pháp luật
- Môi trường xã hội
- Hoạt động của VAMC chưa thật sự hiệu quả

*2.3.3.2. Nguyên nhân chủ quan*

- Tại một số NHTM cổ phần niêm yết, hoạt động còn nhiều tồn tại nên khó khăn trong việc tăng vốn điều lệ

- Quản trị rủi ro tín dụng tại các NHTM cổ phần niêm yết còn hạn chế

- Rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường chưa được quan tâm đúng mức

- Hoạt động kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ còn hạn chế

- Rủi ro đạo đức của cán bộ, nhân viên ngân hàng

- Thiếu cơ sở dữ liệu

- Thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao, nhận thức về đảm bảo an toàn của nhiều nhân viên còn hạn chế.

### **Chương 3**

## **GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO AN TOÀN TÀI CHÍNH CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NIÊM YẾT Ở VIỆT NAM**

**3.1. Định hướng đảm bảo an toàn tài chính của các Ngân hàng thương mại cổ phần niêm yết ở Việt Nam**

*3.1.1. Cơ hội, thách thức của ngành ngân hàng*

*3.1.1.1. Cơ hội*

*3.1.1.2. Thách thức*

**3.1.2. Định hướng phát triển ngành ngân hàng đến năm 2025, tầm nhìn 2030**

*3.1.2.1. Mục tiêu*

*3.1.2.2. Định hướng phát triển hệ thống NHTM đến năm 2025, định hướng 2030*

**3.1.3. Định hướng đảm bảo an toàn tài chính của các Ngân hàng thương mại cổ phần niêm yết ở Việt Nam**

**3.2. Giải pháp đảm bảo an toàn tài chính của các NHTM cổ phần niêm yết ở Việt Nam**

**3.2.1. Nhóm giải pháp nhằm đảm bảo an toàn vốn theo Hiệp ước Basel**

*3.2.1.1. Tăng vốn tự có*

*a. Tăng vốn cấp 1*

- Các NHTM cổ phần niêm yết nhóm 1: phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông chiến lược.

- Các NHTM cổ phần niêm yết thuộc nhóm 2, nhóm 3, nhóm 4: phát hành cổ phiếu ra ngoài công chúng, phát hành cổ phiếu riêng lẻ, phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

#### *b. Tăng vốn cấp 2*

- Thực hiện các đợt phát hành trái phiếu dài hạn trên thị trường trong nước.

- Đối với những NHTM cổ phần niêm yết có năng lực tài chính tốt, có uy tín (VCB, VietinBank, BIDV, MB, Techcombank, VPBank, ACB) có thể xem xét phát hành trái phiếu trên thị trường quốc tế.

#### *3.2.1.2. Hoàn thiện công cụ tính toán mức độ đủ vốn theo quy trình đánh giá tính đầy đủ vốn nội bộ (ICAAP)*

- Xây dựng lộ trình cụ thể
- Hoàn thiện khung khẩu vị rủi ro
- Xác định phương pháp cụ thể nhằm đo lường, đánh giá rủi ro được bù đắp bởi ICAAP

- Phân tích vốn bù đắp rủi ro.

#### *3.2.1.3. Hoàn thiện chính sách quản trị rủi ro*

Chính sách quản trị rủi ro phải đáp ứng được yêu cầu:

- HĐQT quyết định và tuyên bố khẩu vị rủi ro
- Đưa ra nguyên tắc thống nhất trong quản trị đối với từng loại rủi ro và đưa ra nguyên tắc quản trị rủi ro trong điều kiện bình thường vào điều kiện bất lợi

- Quy định giới hạn từng loại rủi ro

- Quy định biện pháp và công cụ nhằm phòng ngừa rủi ro
- Tăng cường tính tự chịu trách nhiệm của cán bộ, nhân viên. Quy định trách nhiệm của bộ phận, cá nhân trong quyết định quản trị rủi ro.

#### *3.2.1.4. Hoàn thiện công cụ đo lường rủi ro tín dụng theo Basel 2*

- Các NHTM cổ phần niêm yết thuộc nhóm 1 và nhóm 2:
  - + Giai đoạn 2020 – 2023: hoàn thiện mô hình theo phương pháp nội bộ cơ bản
  - + Giai đoạn 2024 – 2030: xây dựng công cụ đo lường theo phương pháp nội bộ nâng cao
- Các NHTM cổ phần niêm yết thuộc nhóm 3 và nhóm 4:
  - + Giai đoạn 2020 – 2022: hoàn thiện áp dụng Basel 2 phương pháp tiêu chuẩn
  - + Giai đoạn 2023 – 2030: xây dựng đo lường theo phương pháp nội bộ cơ bản và nâng cao

#### *3.2.1.5. Hoàn thiện công cụ tính toán RRTT theo phương pháp nội bộ IMA*

##### *a. Xây dựng hệ thống hạn mức RRTT dưới dạng văn bản*

Bộ chỉ số hạn mức rủi ro thị trường phải thống nhất với phương pháp đo lường các loại rủi ro thị trường và được thiết lập phù hợp với quy mô vốn, kế hoạch chiến lược kinh doanh và trạng thái rủi ro của từng NHTM.

##### *b. Xây dựng mô hình quản trị RRTT theo phương pháp mô hình nội bộ*

- Các NHTM cổ phần niêm yết thuộc nhóm 3, nhóm 4: hoàn thiện việc áp dụng quản trị RRTT theo phương pháp chuẩn

- Các NHTM cổ phần niêm yết thuộc nhóm 1, nhóm 2: xây dựng mô hình theo phương pháp IMA. Theo đó, xác định giá trị VaR của mỗi giao dịch, của danh mục và toàn bộ hoạt động ngân hàng.

*3.2.1.6. Xây dựng các công cụ tính toán rủi ro hoạt động theo phương pháp tiên tiến (AMA)*

- Đối với các NHTM cổ phần niêm yết thuộc nhóm 1, nhóm 2: Hoàn thiện dữ liệu sự kiện tổn thất (LDC); Hoàn thiện công cụ tự đánh giá (RCSA); Hoàn thiện phương pháp chỉ số rủi ro chính (KRIs); Quản lý kinh doanh liên tục.

- Đối với các NHTM cổ phần niêm yết thuộc nhóm 3, nhóm 4: Trước năm 2022, hoàn thiện đo lường theo phương pháp tiêu chuẩn. Từ năm 2022, từng bước xây dựng các công cụ để áp dụng đo lường theo phương pháp AMA.

### ***3.2.2. Nhóm giải pháp nhằm đảm bảo an toàn tài sản***

#### *3.2.2.1. Phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro*

- Tuân thủ các quy định về phân loại nợ và trích lập DPRR
- Thực hiện phân loại nợ theo khả năng trả nợ của khách hàng

#### *3.2.2.2. Hoàn thiện hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ theo thông lệ quốc tế*

Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ cần hoàn thiện theo hướng:

- Tăng các chỉ tiêu phi tài chính
- Mô hình thích hợp với từng loại hình doanh nghiệp
- Quy trình minh bạch
- Giám sát thường xuyên.

#### *3.2.2.3. Hoàn thiện hệ thống dự báo và quản lý rủi ro tín dụng*

- Hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro đồng bộ và đầy đủ các loại rủi ro.

- Xây dựng khung quản trị rủi ro

- Tăng tính độc lập và tự chịu trách nhiệm của hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ.

#### *3.2.2.4. Nâng cao chất lượng công tác định giá TSBD*

- Đối với các NHTM cổ phần niêm yết đã thành lập các công ty quản lý tài sản: (i) Chuyển nhiệm vụ thẩm định giá sang công ty này; (ii) Xây dựng hệ thống thông tin về tài sản

- Đối với các NHTM cổ phần niêm yết chưa có công ty quản lý tài sản: phối hợp với công ty định giá độc lập để thẩm định; xem xét thành lập công ty quản lý tài sản

#### *3.2.2.5. Xử lý nợ có vấn đề*

- Cơ cấu lại thời gian trả nợ

- Chuyển nợ xấu sang các bộ phận chuyên trách để thu hồi

- Xử lý TSBD

- Sử dụng quỹ DPRR để bù đắp

- Quy trách nhiệm đối với cán bộ, nhân viên có liên quan

- Bán nợ xấu cho các công ty mua bán nợ

### ***3.2.3. Nhóm giải pháp nhằm đảm bảo an toàn thanh khoản***

#### *3.2.3.1. Hoàn thiện chính sách quản trị RRTK*

Chính sách quản trị RRTK phải đáp ứng:

- Xác định nguyên tắc, mục tiêu, nội dung quản trị RRTK

- Phản ánh chiến lược huy động vốn, hỗ trợ thanh khoản

- Quy định rõ trách nhiệm của cá nhân, bộ phận

- Quy định về thiết lập hệ thống đo lường RRTK

- Đề ra giới hạn trong quản trị RRTK
- Quy định nguyên tắc thực hiện Stress Test

### ***3.2.3.2. Hoàn thiện mô hình quản trị RRTK***

Cơ cấu quản trị rủi ro hoạt động phải xác định rõ trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân và phải được thực hiện theo mô hình 3 vòng kiểm soát.

### ***3.2.3.3. Nâng cao khả năng huy động vốn***

Nâng cao khả năng huy động vốn thông qua: (i) Đa dạng hóa sản phẩm; (ii) Chính sách lãi suất phù hợp; (iii) Đa dạng hóa các kênh phân phối.

### ***3.2.4. Hoàn thiện công tác kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ***

- Đối với kiểm toán nội bộ: chuyển từ kiểm toán theo phương pháp tuân thủ sang kiểm toán theo phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro

- Đối với kiểm soát nội bộ: Hoàn thiện môi trường kiểm soát; Hoàn thiện quy trình đánh giá rủi ro; hoàn thiện hoạt động kiểm soát rủi ro.

### ***3.2.5. Hoàn thiện mô hình Stress Test kiểm tra sức chịu đựng rủi ro của ngân hàng***

Mô hình Stress Test phải đảm bảo phù hợp với mục đích quản trị và có tính khả thi. 3 vòng kiểm soát rủi ro của ngân hàng phải thực hiện đúng nhiệm vụ để kết quả Stress Test có tính ứng dụng.

### ***3.2.6. Nhóm giải pháp hỗ trợ***

#### ***3.2.6.1. Phát triển dịch vụ phi tín dụng***

#### ***3.2.6.2. Hoàn thiện cơ sở dữ liệu thông tin***

#### ***3.2.6.3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực***

#### *3.2.6.4. Đầu tư cho công nghệ ngân hàng*

### **3.3. Kiến nghị**

#### ***3.3.1. Kiến nghị với Chính phủ***

Ổn định môi trường kinh tế, xã hội; Hoàn thiện hành lang pháp lý; Phát triển thị trường bất động sản ổn định; Hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm nâng cao năng lực hoạt động của VAMC

#### ***3.3.2. Kiến nghị với Ngân hàng Nhà nước***

Hoàn thiện hành lang pháp lý; Hoàn thiện công tác thanh tra, giám sát đáp ứng chuẩn mực quốc tế; Nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia.



## KẾT LUẬN

Luận án “*An toàn tài chính của các Ngân hàng thương mại cổ phần niêm yết ở Việt Nam*” với kết cấu 3 chương đã làm rõ được các vấn đề sau

*Thứ nhất*, hệ thống một cách chi tiết, đầy đủ các vấn đề lý luận cơ bản liên quan tới hoạt động kinh doanh của các NHTM, tài chính của NHTM. Luận án trọng tâm phân tích các nội dung liên quan tới an toàn tài chính, bao gồm: khái niệm, nội dung, các tiêu chí đánh giá hiệu quả cũng như các nhân tố ảnh hưởng tới an toàn tài chính. Nghiên cứu kinh nghiệm đảm bảo an toàn tài chính của 3 ngân hàng nước ngoài để rút ra bài học kinh nghiệm cho các NHTM cổ phần niêm yết.

*Thứ hai*, trên cơ sở nghiên cứu, đánh giá một cách toàn diện an toàn tài chính của các NHTM cổ phần niêm yết. Luận án đã chỉ ra được những kết quả đã đạt được, những vấn đề còn hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế đó trong đảm bảo an toàn tài chính của các NHTM cổ phần niêm yết.

*Thứ ba*, luận án đề xuất hệ thống gồm 7 nhóm giải pháp đối với các NHTM cổ phần niêm yết cũng như các kiến nghị, đề xuất đối với Chính phủ, NHNN nhằm hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ các NHTM cổ phần niêm yết đảm bảo an toàn tài chính đến năm 2025, tầm nhìn 2030.

Với những nội dung cơ bản Luận án đã thực hiện, NCS hi vọng kết quả nghiên cứu của Luận án sẽ có đóng góp nhất định trong việc hoàn thiện cơ sở lý luận về an toàn tài chính tại NHTM và góp

phần đảm bảo an toàn tài chính của các NHTM cổ phần niêm yết nói riêng và các NHTM Việt Nam nói chung. NCS mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp của các nhà Khoa học, các chuyên gia trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng để Luận án được hoàn thiện hơn

## **DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Nguyễn Quốc Anh (2019), Capital adequacy ratio of commercial banks in Vietnam, *Journal of Finance and Accounting Research*, No 02 (6) – 2019, page 68 - 70.
2. Nguyễn Quốc Anh (2020), Applying Basel III in liquidity risk management in commercial banks, *Journal of Finance and Accounting Research*, No 02 (7) – 2020, page 75 – 79
3. Nguyễn Quốc Anh (2020), An toàn tài chính của các Ngân hàng thương mại Việt Nam theo Hiệp ước Basel, *Tạp chí nghiên cứu Tài chính kế toán*, số 08 (205) – 2020, trang 15 – 19
4. Nguyễn Quốc Anh (2021), Điều kiện để áp dụng quản trị rủi ro thanh khoản tại các Ngân hàng thương mại Việt Nam, *Tạp chí nghiên cứu Tài chính kế toán*, số 05 (214) – 2021, trang 82 - 85